

Số: /UBND-GPMT TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Trên cơ sở đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Hùng Khang ngày 31 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 133/TTr-TNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cơ sở: Khai thác khoáng sản cát xây dựng - Điểm số 01 trên sông Đăk Bla thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum của Công ty TNHH MTV Hùng Khang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Hùng Khang. Địa chỉ: Số 68/20 đường Hàm Nghi, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản cát xây dựng - điểm số 01 trên sông Đăk Bla thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Hùng Khang.

Địa chỉ văn phòng: Số 68/20 đường Hàm Nghi, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Trịnh Bá Khang - Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

Điện thoại: 0935.146.528.

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100846485. Đăng ký lần đầu ngày 15/10/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/8/2018. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.

- Mã số thuế 6100846485.

1.3. Tên dự án đầu tư: Khai thác khoáng sản cát xây dựng - Điểm số 01 trên sông Đăk Bla thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Địa điểm hoạt động: Tại điểm số 01 trên sông Đăk Bla thuộc ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và Phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 10/4/2023.

- Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công: Dự án nhóm C (*Dự án có tổng vốn đầu tư 1.137.101.000 đồng*).

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản.

1.5. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Quy mô sử dụng đất, mặt nước: Tổng diện tích sử dụng đất, mặt nước là 8465 m². Tổng diện tích đất của 02 bãi tập kết và khu phụ trợ là 5262 m².

- Quy mô (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): Dự án nhóm C; Cấp công trình: Cấp III.

+ Quy mô về trữ lượng mỏ: Cấp 121: 8.550 m³; cấp 122: 51.300 m³.

+ Giai đoạn 1: Đã khai thác từ năm 2016 đến năm 2022.

+ Giai đoạn 2: Tiếp tục sau năm 2023, với thời gian là 03 năm 10 tháng.

1.6. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án:

- Công suất khai thác: 8.550 m³/năm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 763/GP-UBND ngày 11/7/2016 và Giấy phép khai thác khoáng sản (*Gia hạn lần 1*) số 223/GP-UBND ngày 17/5/2023 do UBND tỉnh Kon Tum cấp.

- Thời hạn khai thác: 03 năm 10 tháng, kể từ ngày 17/5/2023.

- Công nghệ của dự án: Bơm hút cát.

- Sản phẩm sản xuất dự án: Cát làm vật liệu xây dựng thông thường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(*Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo*)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Hùng Khang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Hùng Khang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến hết ngày 16 tháng 3 năm 2027.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng TN&MT TP;
- UBND P. Thắng Lợi, xã Đăk Rơ Wa;
- Công Thông tin điện tử TP;
- Công ty TNHH MTV Hùng Khang;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../UBND-GPMT ngày ... tháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân trong giai đoạn khai thác.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất: Từ hoạt động bơm hút cát và lọc cát tại bãi tập kết.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải sinh hoạt:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Môi trường đất trong phạm vi diện tích đất của cơ sở.

- Vị trí xả nước thải: Vị trí xả vào môi trường đất (giếng thấm), tọa độ: X = 0557699, Y = 1587638 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 107⁰30', múi chiếu 3^o).

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,6 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự ngấm vào môi trường đất.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày).

- Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo Cột B- QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Giá trị giới hạn các thành phần ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	ĐVT	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	BOD ₅	mg/l	50
2	TSS	mg/l	100
3	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	20
4	NH ₄ ⁺ (Amoni)	mg/l	10
5	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

2.2. Dòng nước thải từ quá trình khai thác.

- Nguồn phát sinh nước thải: Phát sinh lượng nước từ sông bị bơm hút theo

cát lên bãi tập kết. Lượng nước này chủ yếu có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao nên được thu gom vào hố lắng để lắng cặn trước khi trả lại xuống dòng sông.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Môi trường đất trong phạm vi diện tích đất của cơ sở.

- Vị trí xả nước thải: Chảy ra sông Đăk Bla, tọa độ: X = 0557728, Y = 1587661 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 107°30', múi chiều 3°).

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Khoảng 9,4 m³/ngày.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy qua đường ống nhựa PCV ra rãnh thoát nước tự nhiên tại khu vực và chảy ra sông Đăk Bla.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (8 giờ/ngày).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo Cột A- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Giá trị giới hạn các thành phần ô nhiễm trong nước thải cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	ĐVT	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)
1	pH	mg/l	6 - 9
2	TSS	mg/l	50
3	BOD ₅	mg/l	30
4	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh,... được thu gom bằng các đường ống dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn để xử lý, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được dẫn qua giếng thấm tự thấm vào môi trường đất qua đường ống PVC.

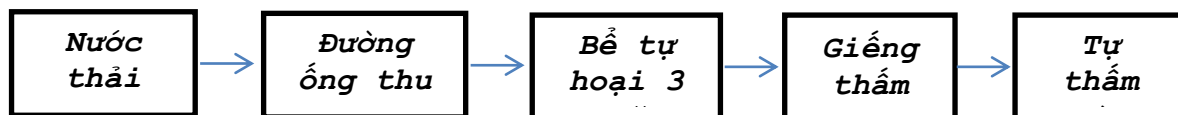
- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình bơm hút cát và lọc cát tại bãi tập kết theo rãnh thoát nước dẫn vào hố lắng có song chắn rác để lắng các chất rắn lơ lửng sau đó dẫn qua ống nhựa PVC chảy ra sông Đăk Bla

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên ngoài khu nhà văn phòng. Phần cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3-6 tháng, thuê đơn vị chức năng hút định kỳ.

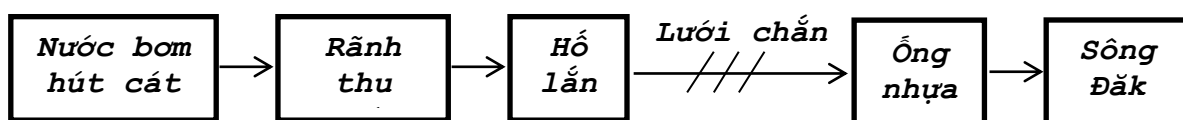
* Sơ đồ và quy trình xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh,... được thu gom bằng các đường ống PVC dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn để xử lý, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được dẫn qua giếng thấm tự thấm vào môi trường đất.



Hình 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

- Nước phát sinh từ quá trình bơm hút cát: Được thu gom vào hố lắng để lắng bùn đất và rác, sau đó dẫn qua ống nhựa xả ra điểm thoát nước chung với nước mưa tại rãnh thoát nước tự nhiên của khu vực và chảy ra sông Đăk Bla.



Hình 2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước bơm hút cát

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trong quá trình hoạt động của cơ sở có thể phát sinh các sự cố do vận hành các bể tự hoại, hoặc sự cố tắc nghẽn, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải.

Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định do lượng vi sinh vật trong bể tự hoại không đủ hoặc do bùn trong bể quá tải. Giải pháp đặt ra là bổ sung chế phẩm vi sinh và định kỳ nạo vét bùn cặn nhằm tăng khả năng lắng của nước thải.

Sự cố tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải do chất lượng đường ống lắp đặt không đảm bảo, do bùn, đất, dầu mỡ hoặc các chất rắn khác bịt kín các đường ống. Thực hiện định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước, tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

- Tại khu vực bãi tập kết và một phần tuyến đường vận chuyển nội bộ được thiết kế có độ dốc mặt là 3% để thoát nước mưa cũng như nước thải sau khi hút cát từ tàu, bè lên bãi tập kết và lọc cát. Nước theo độ dốc chảy vào rãnh nước bố trí xung quanh các khu vực. Từ đó dẫn ra hố lắng có song chắn rắn với kích thước 0,4x0,4x0,4m để lắng cặn trước khi thoát trở ra sông.

- Tại khu phụ trợ cũng có hệ thống thoát nước mưa dẫn qua taluy xuống rãnh thoát nước ở đường vận chuyển để đưa về sông. Các rãnh thoát nước có kích thước $R \times H = 0,4 \times 0,5\text{m}$.

Hệ thống rãnh thoát nước xung quanh khu vực bãi tập kết và dọc tuyến đường vận chuyển.

3.3. Công ty TNHH MTV Hùng Khang chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/UBND-GPMT ngàytháng ... năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của cơ sở chủ yếu gồm: Hoạt động của các loại máy móc, thiết bị khai thác cát, máy xúc và các phương tiện vận chuyển ra vào tại khu vực.

2. Tiếng ồn: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ, dBA
1	Khu vực đặc biệt	55
2	Khu vực thông thường	70
4	Khu vực làm việc	85

3. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ, dB
1	Khu vực đặc biệt	60
2	Khu vực thông thường	70

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Sử dụng máy móc, thiết bị đã qua đăng kiểm.
- Khu vực ăn ở, nghỉ ngơi của công nhân được bố trí cách xa nguồn gây ồn và khu vực khai thác.
- Không hoạt động trong giờ ăn, nghỉ ngơi và giờ cao điểm.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../UBND-GPMT ngày tháng... ..năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Biện pháp xử lý	Ghi chú
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	0,5	Hiện tại khối lượng phát sinh chưa nhiều nên chưa thực hiện Hợp đồng đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.	
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	0,2		
3	Dầu nhớt thải	17 06 01	4,0		
4	Bao bì cứng chứa dầu nhớt thải	18 01 04	2,0		
	Tổng khối lượng		7,5		

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

a) *Chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn loại này chủ yếu gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy và một số rác thải khó phân hủy như: *chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy...* Với tổng số lao động 06 người, trung bình mỗi người thải 0,8 kg/ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD) nên lượng rác thải sinh hoạt mỗi ngày khoảng 4,8 kg/ngày.

TT	Loại CTRSH	Số lượng (kg/ngày)	Biện pháp xử lý
1	Chất thải rắn có thể tái chế (<i>chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy,...</i>).	0,5	Thu gom bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.
2	Chất thải hữu cơ dễ phân hủy (<i>thức ăn thừa, rau củ quả bỏ, vỏ trái cây,...</i>) và các loại chất thải khác (<i>hộp xốp, bì nilong,...</i>).	4,3	Hàng ngày công nhân mang rác ra điểm tập kết rác chung của địa phương
	Tổng khối lượng	4,8	

b) *Chất thải rắn từ hoạt động khai thác cát:*

Trong quá trình bơm hút cát, một số loại chất thải lẫn trong cát sẽ được hút lên theo cát bao gồm cát, sỏi, cành lá cây, các mảnh vỡ kim loại, sành sứ, nhựa, cao su,... Các loại chất thải này được sàng lọc tách ra khỏi cát bằng lưới và được xử lý như sau:

- Sạn, sỏi lớn lẫn trong cát khi bơm lên được tách riêng trả lại lòng sông.

- Các loại cành lá cây, chất thải rơi vãi trong lòng sông bơm theo cát được tách riêng, thu gom xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

Khối lượng chất thải không nhiều thường gặp nhiều nhất vào mùa mưa, lượng chất thải này khoảng 5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Lưu giữ trong các thùng phuy chứa dung tích 200 lít (*trên thùng có ký hiệu biểu tượng về chất thải nguy hại*) để nhận biết theo đúng quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại: Diện tích khoảng 09 m² bố trí tại bên hông khu vực nhà điều hành cửa có khoá.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa rác

- Công tác thu gom: Tại khu vực nhà điều hành sẽ bố trí thùng đựng rác để chứa rác thải sinh hoạt.

- Công tác xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, các loại chất thải rắn có thể tái chế (*chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy, ...*) được tách riêng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Các loại chất thải còn lại hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường tại địa phương thu gom, xử lý. Tuy nhiên hiện nay đơn vị dịch vụ môi trường chưa thực hiện thu gom rác thải tại khu vực khai thác, nên biện pháp xử lý hiện nay là hàng ngày vào cuối giờ làm việc, công nhân sẽ mang rác thải sinh hoạt ra điểm tập kết rác chung để đơn vị dịch vụ thu gom đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tai nạn lao động

- Xây dựng nội quy lao động, nội quy sử dụng trang thiết bị kỹ thuật.

- Tuyên truyền giáo dục về nội quy lao động; phân công người đảm nhiệm việc kiểm tra, giám sát, việc thực hiện nội quy lao động.

- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân.

2. Sự cố cháy nổ

- Xây dựng nội quy phòng chống cháy nổ; các phương án phòng chống cháy nổ.

- Tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, công nhân nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy an toàn phòng cháy chữa cháy của Nhà nước; tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ

- Các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt. Quy định cấm công nhân hút thuốc và mang vật liệu phát lửa vào khu vực có thể gây cháy, nổ.

- Bố trí các bình cứu hoả cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng khi cần thiết. Xây dựng hồ sinh thái để dự trữ nước PCCC.

- Máy móc, thiết bị phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch kiểm tra bảo dưỡng định kỳ nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống điện để đảm bảo không xảy ra sự cố làm nổ máy biến áp. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được bố trí thật an toàn.

3. Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bờ trong quá trình khai thác

Trong quá trình hoạt động khai thác từ khi được cấp phép đến nay, theo quan sát thực tế tại khu vực khai thác vẫn chưa xảy ra hiện tượng sạt lở bờ sông. Đề nghị, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

- Khai thác cát đúng theo phương pháp và vị trí đã được phê duyệt. Không khai thác gần bờ và quá độ sâu quy định.

- Tuân thủ khoảng cách an toàn đối với bờ sông. Không chế độ sâu khai thác đúng theo giấy phép khai thác quy định.

- Đảm bảo gia cố bờ sông đoạn có nguy cơ bị sạt lở.

- Khai thác dọc theo hướng dòng chảy của sông để tránh sự thay đổi dòng chảy và bãi bồi để khơi thông dòng chảy.

- Trong quá trình khai thác, phải nghiêm chỉnh thực hiện đúng theo quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /UBND-GPMT ngàytháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

1 Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Hiện cơ sở đã được gia hạn cấp phép khai thác khoáng sản và không thay đổi bất cứ nội dung hoạt động khai thác. Vì vậy, các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường tại cơ sở đã được Phê duyệt tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh Kon Tum là căn cứ pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty. Cụ thể là:

- San gạt làm sạch cát sỏi trả lại mặt bằng hoặc đất canh tác cho khu vực đã sử dụng, các đường tạm từ khu vực khai thác ra đường vận chuyển;
- Nạo vét, thu dọn chướng ngại vật dưới lòng sông tại khu vực khai trường.
- Tháo dỡ những công trình dân dụng của chủ đầu tư sau khai thác trả lại mặt bằng;
- Xử lý cải tạo những sỏi lở bờ sông, bờ đê do khai thác gây ra tại khu vực khai thác;
- Sửa chữa, tu bổ đường giao thông;

Chi tiết như sau:

TT	Hạng mục cải tạo phục hồi môi trường được duyệt	Tiến độ/Thời điểm thực hiện
1	San gạt làm sạch cát sỏi trả lại mặt bằng hoặc đất canh tác cho khu vực đã sử dụng, các đường tạm từ khu vực khai thác ra đường vận chuyển.	Sau khi kết thúc khai thác.
2	Nạo vét, thu dọn chướng ngại vật dưới lòng sông tại khu vực khai trường.	Đã thực hiện trong thời gian khai thác và tiếp tục thực hiện sau khi khai thác xong.
3	Tháo dỡ những công trình dân dụng của chủ đầu tư sau khai thác trả lại mặt bằng.	Sau khi kết thúc khai thác.
4	Xử lý cải tạo những sỏi lở bờ sông, bờ đê do khai thác gây ra tại khu vực khai thác.	Đã thực hiện trong thời gian khai thác và tiếp tục thực hiện sau khi khai thác xong.
5	Sửa chữa, tu bổ đường giao thông.	Thực hiện hằng năm trong thời gian khai thác.

2. Tiến độ thực hiện chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ của các hạng mục công trình là 118.134.976,93 đồng. Tổng số tiền ký quỹ theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường bằng tổng số tiền ký quỹ của các hạng mục công trình và bằng: 118.134.976,93 đồng.

- Đến nay chủ đầu tư đã thực hiện nộp đủ các chi phí này theo đúng phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Số tiền ký quỹ còn lại: Công ty sẽ thực hiện theo giấy phép gia hạn theo đúng quy định.

- Thời gian hoạt động còn lại của cơ sở theo giấy phép gia hạn là 03 năm 10 tháng (kể từ 17/5/2023). Như vậy, thời gian ký quỹ được xác định trong thời gian gia hạn là 03 năm 10 tháng.

- Hằng năm, chủ cơ sở có trách nhiệm tự kê khai nộp tiền ký quỹ có tính đến yếu tố trượt giá và báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết để theo dõi.

3. Đơn vị nhận ký quỹ

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

- Tài khoản nhận tiền ký quỹ: 5100201010361 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại khu vực khai thác đảm bảo giới hạn của QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT; đảm bảo môi trường không khí xung quanh không vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 05: 2013/BTNMT.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi thấm vào môi trường đất.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung tại khu vực khai thác đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 24/2016/TT-BYT, QCVN 27/2016/BYT và đối với khu vực xung quanh không vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

- Thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống các sự cố, đảm bảo an toàn lao động, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

- Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác đúng theo Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

- Hằng năm, thực hiện quan trắc môi trường và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.

- Đóng đầy đủ số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và các nghĩa vụ tài chính có liên quan trong quá trình hoạt động của cơ sở.